|  |
| --- |
| Mẫu số: **01/TNDN** *(Ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính)* |

**BẢNG KÊ THU MUA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ****MUA VÀO KHÔNG CÓ HÓA ĐƠN**

(Ngày ……. tháng …… năm ……………)

|  |  |
| --- | --- |
| - Tên doanh nghiệp: ……………………………………………………  ……………………………………………………………………………. | **Mã số thuế:** |

- Địa chỉ: ..................................................................................................................

- Địa chỉ nơi tổ chức thu mua:..................................................................................

- Người phụ trách thu mua: .....................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày tháng năm mua hàng** | **Người bán** | | | **Hàng hóa mua vào** | | | | **Ghi chú** |
| Tên người bán | Địa chỉ | Số CMT nhân dân | Tên mặt hàng | Số lượng | Đơn giá | Tổng giá thanh toán |  |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Tổng giá trị hàng hóa mua vào: ……………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập bảng kê** (Ký, ghi rõ họ tên) | *Ngày …. tháng …. năm 201..* **Giám đốc doanh nghiệp** (Ký tên, đóng dấu) |

**Ghi chú:**

- Căn cứ vào số thực tế các mặt hàng trên mà đơn vị mua của người bán không có hóa đơn, lập bảng kê khai theo thứ tự thời gian mua hàng, doanh nghiệp ghi đầy đủ các chỉ tiêu trên bảng kê, tổng hợp bảng kê hàng tháng. Hàng hóa mua vào lập theo bảng kê này được căn cứ vào chứng từ mua bán giữa người bán và người mua lập trong đó ghi rõ số lượng, giá trị các mặt hàng mua, ngày, tháng mua, địa chỉ, số CMTND của người bán và ký nhận của bên bán và bên mua.

- Đối với doanh nghiệp có tổ chức các trạm nơi thu mua ở nhiều nơi thì từng trạm thu mua phải lập từng bảng kê riêng. Doanh nghiệp lập bảng kê tổng hợp chung của các trạm.